

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 19 - 3 - 2024.

V/v: “Ly hôn”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị My My

Ông Nguyễn Duy Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Yến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Lê Thị Bích Thủy- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số: 05/2024/HNGĐ-PT ngày 22/02/2024 về việc “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 203/2024/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXX-PT ngày 05/03/2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Ông Bùi Văn T1, sinh năm: 1961 (Có mặt).

*Bị đơn: Bà Ngô Thị Kim T2, sinh năm: 1964 (Có mặt).

Cùng trú tại: 133 LTT, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Ngô Thị Kim T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Văn T1 trình bày:* Tôi và bà Ngô Thị Kim T2 tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1984, tuy nhiên sau đó giấy chứng nhận kết hôn của tôi và bà T2 bị cháy nên chúng tôi đăng ký kết hôn lại vào ngày 10/11/2006 tại Ủy ban nhân dân phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 39 năm thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng có nhiều xung đột cãi vã dẫn đến mâu thuẫn nặng nề. Nay tôi xét thấy không còn tình cảm với bà Ngô Thị Kim T2 nên tôi xin ly hôn với bà T2.

Về con chung: Tôi và bà T2 có 05 con chung là cháu Bùi Thị Kim Th, sinh ngày 03/10/1985; cháu Bùi Anh T, sinh ngày 01/01/1987; cháu Bùi Thị Huyền T3, sinh ngày 22/11/1992; cháu Bùi Thanh T4, sinh ngày 14/6/1990; cháu Bùi Công Tuấn A, sinh ngày 14/8/1995. Hiện nay các con chung của tôi và bà T2 đã đủ tuổi trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Ngô Thị Kim T2 trình bày: Tôi thừa nhận lời trình bày của ông T1 về hôn nhân và con chung là đúng. Tuy nhiên, về hôn nhân thì quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc sau đó thì có phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên chỉ là cãi nhau nhỏ theo tôi chưa đến mức trầm trọng nên tôi không đồng ý ly hôn với ông Bùi Văn T1.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 203/2023/HNGĐ-ST ngày 25/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Văn T1.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn T1 được ly hôn với bà Ngô Thị Kim T2.

Về con chung: Ông T1 và bà T2 có 05 con chung là cháu Bùi Thị Kim Th, sinh ngày 03/10/1985; cháu Bùi Anh T, sinh ngày 01/01/1987; cháu Bùi Thị Huyền T3, sinh ngày 22/11/1992; cháu Bùi Thanh T4, sinh ngày 14/6/1990; cháu Bùi Công Tuấn A, sinh ngày 14/8/1995. Hiện nay các con chung của ông T1 và bà T2 đã đủ tuổi trưởng thành nên ông T1 và bà T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi Văn T1 và bà Ngô Thị Kim T2 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra để xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/01/2024, bị đơn bà Ngô Thị Kim T2 kháng cáo toàn bộ Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 203/2023/HNGĐ-ST ngày 25/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận đơn ly hôn của ông T1.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá đại diện Viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của bà Ngô Thị Kim T2 là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà T2, giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 203/2023/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị Kim T2 làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo hợp lệ. Do đó, vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo bị đơn bà Ngô Thị Kim T2, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông T1 cho rằng: Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Tháng 2/2022 ông đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn với bà T2, tuy nhiên tại phiên tòa ông đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi về chung sống ông T1 và bà T2 cũng không thể hòa hợp, vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Về phía bà T2 cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng nhưng không có hướng khắc phục tình cảm vợ chồng. Cấp sơ thẩm đã tiến hành hòa giải cho ông T1 và bà T2 về đoàn tụ nhưng ông T1 vẫn cương quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù Hội đồng xét xử tiếp tục hòa giải cho ông T1, bà T2 về đoàn tụ nhưng ông T1 vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ

chồng không còn và không có khả năng hàn gắn. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho ông T1 được ly hôn bà T2 là phù hợp. Do đó, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà T2.

[2.2] Về con chung: Ông T1 và bà T2 có 05 con chung là cháu Bùi Thị Kim Th, sinh ngày 03/10/1985; cháu Bùi Anh T, sinh ngày 01/01/1987; cháu Bùi Thị Huyền T3, sinh ngày 22/11/1992; cháu Bùi Thanh T4, sinh ngày 14/6/1990; cháu Bùi Công Tuấn A, sinh ngày 14/8/1995. Hiện nay các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên ông T1 và bà T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T1 và bà T2 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị Kim T2, giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 203/2023/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Ngô Thị Kim T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1].Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Ngô Thị Kim T2. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 203/2023/HNGĐ-ST ngày 25/12/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2].Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Bùi Văn T1.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Bùi Văn T1 được ly hôn với bà Ngô Thị Kim T2.

2. *Về con chung:* Ông T1 và bà T2 có 05 con chung là cháu Bùi Thị Kim Th, sinh ngày 03/10/1985; cháu Bùi Anh T, sinh ngày 01/01/1987; cháu Bùi Thị Huyền T3, sinh ngày 22/11/1992; cháu Bùi Thanh T4, sinh ngày 14/6/1990; cháu Bùi Công Tuấn A, sinh ngày 14/8/1995. Hiện nay các con chung của ông T1 và bà T2 đã đủ tuổi trưởng thành nên ông T1 và bà T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi Văn T1 và bà Ngô Thị Kim T2 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí:

3.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Văn T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông T1 đã nộp theo biên lai số AA/2022/0004416 ngày 11/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị Kim T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T2 đã nộp theo biên lai số AA/2023/0005142 ngày 16/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hằng